

Bản án số: 31/2020/DS-PT

Ngày: 16/6/2020

V/v “*tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Ngọc Hà
- *Các Thẩm phán:* Ông Lương Quang
Ông Nguyễn Hữu Trúc
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Chánh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 113/2019/DSST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; nơi cư trú: 27 đường T, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; nơi cư trú: 98 đường L, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Ngọc D (chết); *người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Ngọc D có:* Nguyễn Thị N, sinh năm 1961;

Hoàng Ngọc N1, sinh năm 1983; Hoàng Ngọc T, sinh năm 1985; Hoàng Thị Ngọc Tr, sinh năm 1989; Hoàng Thị Thanh Th, sinh năm 1992; đồng địa chỉ: 98 đường L, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2012 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Ngọc D trả nợ theo giấy nhận nợ vay tiền ngày 26/11/2010 là: Gốc 3.000.000đ và tiền lãi từ khi vay cho đến khi trả hết nợ theo quy định pháp luật. Hiện nay ông D đã chết nên yêu cầu bà N và người thừa kế của ông D có trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Ngọc D (chết) có người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng là các ông bà Nguyễn Thị N, Hoàng Ngọc N1, Hoàng Ngọc T, Hoàng Thị Ngọc Tr và Hoàng Thị Thanh Th đều vắng mặt không có lời trình bày.

Tại Bản án sơ thẩm số 113/2019/DSST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 và 238 của bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468, 615 của Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền còn nợ của hợp đồng vay tài sản ngày 26/11/2010 là 2.848.875đ.

Các ông bà Nguyễn Thị N, Hoàng Ngọc N1, Hoàng Ngọc T, Hoàng Thị Ngọc Tr, Hoàng Thị Thanh Th phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong phạm vi di sản do ông Hoàng Ngọc D chết để lại là 2.848.875đ. (Trường hợp ông Hoàng Ngọc D không để lại di sản hoặc di sản để lại không đủ thực hiện nghĩa vụ thì các ông bà trên không phải thực hiện nghĩa vụ hoặc chỉ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/11/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án và thời gian kháng cáo.

Ngày 02/01/2020, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu xem xét áp dụng lãi suất 1.125%/năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn xin vắng mặt.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn kháng cáo Hồ Thị Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Thị N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Ngọc N1, Hoàng Ngọc T, Hoàng Thị Ngọc Tr và Hoàng Thị Thanh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ N1ng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 1,125%/tháng từ ngày bị đơn nợ tiền đến thời điểm trả nợ chứ không đồng ý tính lãi suất 9%/năm theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Căn cứ Giấy nhận nợ vay tiền ngày 26/11/2010 thì bà Nguyễn Thị N có vay của bà S số tiền là 3.000.000đ, lãi suất thỏa thuận giữa các bên là 06%/tháng, trả góp theo ngày mỗi ngày 100.000đ, tức là đến ngày 25/12/2010 bị đơn phải trả hết nợ gốc cho nguyên đơn nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trước ngày 01/01/2017 thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự 2005, do đó căn cứ khoản 1, 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, khoản 2, 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐND ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lãi suất hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định như sau: Giấy nhận nợ có quy định “Nếu quá hạn 10 ngày liên tục không nộp tiền góp thì bà S có quyền thu nợ hoặc kiện ra Tòa án”, cấp sơ thẩm đã xác định thời gian hợp lý nợ trong hạn là 30 ngày

căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐND. Về lãi suất trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố. Lãi suất thỏa thuận 06%/tháng là vượt quá quy định, do đó tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được tính bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố là 9%/năm $\times$ 150% = 13,5%/năm (1.125%/tháng) (Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010): $3.000.000đ \times 1.125\%/tháng \times 30$ ngày = 33.750đ. Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ (từ ngày 27/12/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/11/2019): $3.000.000đ \times 9\%/năm \times 9$ năm 10 tháng 12 ngày = 2.664.000đ.

Như vậy, cấp sơ thẩm xác định lãi bị đơn phải trả gồm lãi trên nợ gốc trong hạn và lãi trên nợ gốc quá hạn phải trả tổng cộng là : 2.697.750đ là đúng quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468, 615 của Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Buộc bà Nguyễn Thị N phải thanh toán trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền còn nợ của hợp đồng vay tài sản ngày 26/11/2010 là 2.848.875đ. (Trong đó tiền gốc 1.500.000đ, tiền lãi 1.348.875đ)

Các ông bà Nguyễn Thị N, Hoàng Ngọc N1, Hoàng Ngọc T, Hoàng Thị Ngọc Tr, Hoàng Thị Thanh Th phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong phạm vi di sản do ông Hoàng Ngọc D chết để lại là 2.848.875đ. (Trong đó tiền gốc 1.500.000đ, tiền lãi 1.348.875đ). Trường hợp ông Hoàng Ngọc D không để lại di sản hoặc di sản để lại

không đủ thực hiện nghĩa vụ thì các ông bà trên không phải thực hiện nghĩa vụ hoặc chỉ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/11/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bị đơn Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001139 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh S 150.000đ đã nộp tại biên lai thu tiền số 12146 ngày 16/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TP T (2);
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS TP T;
- Lưu: HSVA.

Vũ Ngọc Hà

tiền lãi 1.348.875đ). Trường hợp ông Hoàng Ngọc D không để lại di sản hoặc di sản để lại không đủ thực hiện nghĩa vụ thì các ông bà trên không phải thực hiện nghĩa vụ hoặc chỉ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/11/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bị đơn Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001139 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh S 150.000đ đã nộp tại biên lai thu tiền số 12146 ngày 16/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Trúc Lương Quang

Vũ Ngọc Hà